

BẢN LUẬN QUYỂN 3

Từ trên đến đây, năm môn phân biệt về thể của địa đã xong. Từ đây trở xuống, là thứ hai, sau dùng mười môn để giải thích về nghĩa của địa.

Văn chia làm hai: Trước, nói về mười môn; sau, đều dùng tụng để kết luận.

Nói mười môn: Như bài tụng sau nói:

Nhóm sắc, phẩm tương ứng.

Thế gian và với duyên.

Thiện thấy môn sai khác.

Việc khéo léo là sau.

Môn sai khác về thiện v.v... gồm có ba:

I. Ba tánh khác nhau.

II. Thêm xứ khác nhau.

III. Giải thích xứ, danh khác nhau, nên có mười môn:

Trong phần một lại có hai:

A) Nhiếp năm thành ba phần, là giải thích riêng, có tám môn.

B) “Lại, còn phải biết uẩn khéo léo, gồm v.v...”

trở xuống, là nói về hai môn sau.

Trong phần trước có ba:

1) Nhắc lại năm môn trước thuộc về ba xứ, nêu lên nguyên nhân soạn luận.

2) “Nay, trước sẽ nói về các pháp của nhóm sắc” trở xuống: Là giải thích riêng tám môn. Sau dùng bài tụng tổng kết gom năm làm ba.

Vô vi là pháp trong sở duyên kia, trừ pháp giả, nghĩa là trong đây chỉ muốn phân biệt pháp thật, nên nhiếp bốn làm ba, trừ bất tương ứng và sắc của pháp xứ, do chẳng phải đối ngại, gọi là pháp giả có. Văn dưới đây sẽ chỉ nói nhất định sắc tự tại, vì gọi là pháp thật, nên dù rằng, văn sau có nói là pháp giả mà không ở chương riêng.

Trong phần giải thích riêng tám môn, trước là nói về nhóm sắc, văn chia làm hai: đầu tiên là nêu; sau là giải thích.

Trong giải thích chia làm chín:

1) Nói về năm nhân tạo sắc của đại chủng.

2) Nói về sự khác biệt của cực. Vì “có” “không”

3) Nói về đại tạo hai thứ không rời nhau.

4) Nói về các việc của nhóm sắc nhiều ít.

5) Nói về các sắc tương tục, gián đoạn.

- 6) Giải thích văn kinh.
- 7) Nói về các đại chủng của nhóm sắc không thiếu.
- 8) Nói về sự khác biệt của ba loại nhóm sắc.
- 9) Nói về nhóm sắc nương tựa vào sáu xứ để chuyển biến.

Trong văn đoạn đầu, tạo sắc của đại chủng có khả năng làm chánh nhân, đó là sinh, y, lập, trì, dưỡng, như văn phối hợp, dựa vào trong nhân.

Do tạo sắc sinh rồi, không lia xứ đại chủng mà chuyển. Đây là nói, tức chất tạo đồng với nhóm tạo, chẳng phải giả tạo. Do các tia sáng của mặt trời, mùi hương v.v... hoạt động riêng một mình, vì lia đại chủng, cho nên sinh lên cõi Vô Sắc. Vì sắc của định, giới, đạo không có bốn đại, tất nhiên, dựa vào “hữu” kia đều nương tựa nhân trong nhân gìn giữ. Do tùy theo lượng đại chủng v.v... không hư hoại, nghĩa là cũng dựa vào nghĩa đồng nhóm do với bốn sở tạo đánh vào chất, phát ra tiếng, vì sắc của thính đại nhỏ. Hoặc năm cảnh gá vào chất, đều đồng với lượng của chất, vang ra xa, đã cách khoảng, mới to đối với chất. Trong nhân trưởng dưỡng.

Luận đối pháp quyển thứ nhất chép: “Nghĩa là vì đại chủng đã nuôi dưỡng chất tạo sắc kia, giúp nó được tăng trưởng, nên thuyết kia nói là tất cả đại chủng đều mang nghĩa nuôi dưỡng tạo sắc.

Nay, trong luận này chỉ nói về trưởng dưỡng: Tứ đại giúp đỡ bốn duyên sinh, có công năng nuôi dưỡng sắc tạo. Nhưng đại chủng của sắc tạo, trực tiếp nuôi dưỡng đại chủng, phải nhờ vào bốn duyên giúp đỡ cho lớn lên, mới nuôi dưỡng sắc tạo. Ở đây, nói duyên ngoài lớn, mới có thể nuôi dưỡng, chứ không phải bốn duyên ngoài là nhân tố của sự nuôi dưỡng này, bởi vì nương tựa vào nhau mà có nghĩa tạo, cho nên năm nhân sinh v.v... đều thuộc về tăng thượng. Hoặc đủ năm nghĩa, hay không đủ năm, chứ không phải nhất định phải có đủ, nếu dựa theo nghĩa thật, nghĩa sở tạo gần, thì tất nhiên là đồng tánh tạo, chứ chẳng phải khác tánh, phải là đồng loại tạo, không phải khác loại. Vì hữu lậu, vô lậu, tất nhiên là đồng loại; phải là đồng cảnh giới tạo, chứ không phải khác cảnh giới. Định tán tất nhiên là đồng, không phải pháp khác tạo. Nếu giả thuyết tương tạo ra, dựa vào tạo, tùy theo sự thích ứng không ngăn ngại. Ba loại, Dị thực, trưởng dưỡng, đẳng lưu, hoặc mỗi loại đều tạo gần, hoặc dựa lẫn nhau tạo, về lý cũng không ngăn ngại.

Trong văn thứ hai, không hề có vật thể cực, vì sinh v.v... ở trong nhóm sắc, việc này chứng tỏ là nghĩa biến đổi ngay, chứ không phải chứa nhóm dần, không đồng với Tát-bà-đa nói có cực vi trong nhiều

nhóm, chẳng phải là vật thể cực vi không có tự thể cực vi nhóm họp thành nhóm sắc, nghĩa là cực vi không có tự thể, không đồng với nghĩa chứa nhóm thành cực đại của Kinh bộ, hợp với hai thứ trước. Không đồng với thô, tế đều thật của Thắng luận.

Cực vi cũng có phương phần: phương, là các phương; phần, là phần tế. Dù có các phương, mà vẫn không có phần tế, do nhóm sắc kia có phương, cũng có phần vị, vì có thể phân tích, nên chẳng phải là cực vi rất tế, bởi còn có vi khác, cho nên, cực vi không phải vật thể có phần vị.

Duy thức quyển thứ nhất khẳng định: “Cực vi không có phương, phần, vì phương đã là phần, thì không phải là nghĩa của phương nữa. Hai vẫn dù khác biệt, nhưng cũng không trái nhau.

Trong văn thứ ba có hai:

- 1) Giải thích sơ lược.
- 2) Chứng không rời nhau.

Trong phần hai, “Lại, khắp đây này v.v...” trở xuống, là giải thích lại hai chứng.

Đồng xứ không lìa nhau, nghĩa là tùy theo các sắc có căn của xứ có căn, đại tạo của tự loại đều đồng với nghĩa của một xứ liên quan với nhau, chứ không phải là nghĩa của cực vi đều bám trụ riêng.

Lẫn lộn không lìa nhau, nghĩa là đại chủng tự loại và đại tạo của loại khác lại hệ thuộc vào nhau, đều có nghĩa một xứ. Vì thế, nên luận dưới đây nói: “Trước là cộng đại chủng; sau là nhóm của bất cộng đại chủng.

Trong giải thích lại, trước là giải thích lẫn lộn không rời nhau. Lại, sắc sở tạo trở xuống, mới giải thích đồng xứ không lìa nhau.

Thể loại của đồng mè là ở riêng. Cực vi đại tạo không đồng với thể loại đó, chỉ như các vật đá bị mài mòn thành mặt, lấy nước hòa tan, khó phân tích tánh của nó đều riêng; đó là nghĩa hòa lẫn không lìa nhau.

Trong phần giải thích lại đồng xứ, tức chất mà tạo hợp thành một vật, không có hai chỗ của cực vi riêng mà bám trụ, không đồng với dòng loại khác đều ở riêng, cũng không đồng với sự hòa lẫn kia, dù đồng một chỗ, nhưng không phải đồng một thể.

Ngài Tam Tạng nói: “Quả báo bốn đại và bảy pháp sở tạo liên quan với nhau như ánh sáng của đèn, cho đến bảy pháp đại tạo, trường dưỡng cũng nhập vào nhau, tức là đồng xứ không tách rời. Hai đại báo, và dưỡng không nhập vào nhau với sở tạo, thì là hoà lẫn không lìa

nhau. Nếu trước kia có chỗ đại tạo, trường dưỡng, thì về sau này đại tạo trường dưỡng sẽ không nhập vào nhau. Tạo hương v.v... kia một có thể tạo ra bốn đại, cũng hay liên quan và hội nhập.”

Hỏi: Với nhiều đèn, tia sáng cùng lúc, một chỗ mà sao lại không lia nhau?

Đáp: Có hai giải thích.

1) Đồng giới, đồng xứ, mà không được sinh một chỗ, là hoà hợp không lia nhau. Nhiều tia sáng đèn soi rọi trong một ngôi nhà, nghĩa là y cứ ở thật sự một ngọn đèn, không được soi khắp, cho nên không sáng lắm khi ngọn đèn thứ ba cháy lên, thì mới thật sáng hoàn toàn.

2) Hoặc có đồng giới, xứ, không phải đồng xứ, không rời nhau. Nghĩa là căn trần v.v... khác. Hoặc có đồng giới, đồng xứ, mà đồng xứ này không lia nhau, có nghĩa là các tia sáng của đèn này và các mùi hương cùng tỏa khắp phòng cho nên trong đây là đồng pháp dụ.

Quyển sáu mươi lăm dưới đây sẽ nói đủ ba thứ không lia nhau. Chỗ này nói hai thứ ngăn ngại để làm rõ một.

Có giải thích: “Theo quyển sáu mươi lăm, cũng có nhóm vật riêng mà đồng xứ không lia nhau, cũng có nhóm đồng loại mà rời nhau, không lia nhau. Nhưng, trong quyển thứ ba này y cứ theo đại chủng đồng loại mà làm sáng tỏ nghĩa đồng xứ, y theo nhóm của vật tạp, mà hiển bày nghĩa hoà lẫn, nghĩa là vì y cứ theo số nhiều, vì để làm rõ tướng mà biện luận, nên không trái nhau.

Trong văn thứ tư có hai:

1) Nói chung về sự nhiều ít.

2) Lại “Y cứ tướng gồm thân” trở xuống: Chỉ riêng về nghĩa gồm thân, trừ chỉ sắc mà ý đã hoạt động.

Hỏi: “Như nhất định sắc tự tại mà văn dưới đây sẽ nói là thật, vì sao lại trừ?”

Đáp: “Vì chẳng phải đối, ngại, nên ở đây loại trừ. Vì rằng, tất cả nhóm sắc cho đến chỉ có giới khác, nếu nói theo hạt giống thì trong năm sắc căn, có mười bốn hạt giống sắc pháp, trong bốn đại tạo căn cũng thế, nếu bốn phù trần căn và trên đại thể “Năng tạo”, chỉ có bốn trần. Hạt giống của bốn đại, đến quyển năm mươi một sẽ giải thích, chỉ rõ riêng trong nghĩa gồm thân. Vả lại, nói theo mắt thì nếu y cứ ở nhiếp nhau chỉ một là sắc thanh tịnh của mắt, nếu không lia nhau thì gồm có bảy, đó là nhãn, thân, địa, sắc, hương, vị, xúc; nếu giới gồm có mười, thì thêm nước, lửa và giới. Như nhãn, nhĩ. Tỷ, thiệt cũng vậy. Nếu thân căn trừ bốn thứ như nhãn v.v... thì vì một mình có thể được, nên chỉ có

chín.

Giới nghĩa là nhân. Thuận với tông của Kinh bộ, vì sắc có thể gìn giữ hạt giống, nên nói có giới kia.

Hoặc trong nhóm kia, có riêng công năng sinh ra các dụng của sắc v.v... kia, để lập thành tên gọi giới trong duyên tăng thượng .

Có sự vọng chấp: “Nếu được thiên nhãn, cũng sẽ được thân căn của địa kia, vì không lìa nhau.”

Nghĩa ấy không đúng, vì bài tụng Tạp Tâm chép:

“Cực vi ở bốn căn.

Mười chủng nên phải biết.

Thân căn chín, còn tám.

Đây nói có địa hương”.

Ngài Ca Diên cũng nói: “Tùng có thành tựu nhãn của địa kia mà không thành tựu thân căn của địa kia chăng? Đáp: “Có, nghĩa là thân ở cõi Dục, vì khởi thiên nhãn thông, nên biết thuyết ấy nói phi lý.”

Nhiếp nhau, nghĩa là thể gồm thấu, đều lấy thể để đối với dụng.

Gồm thấu không lìa nhau, nghĩa là thể dụng không lìa nhau. Hoặc trong một đại có trần, không có các trần như phong v.v..., vì nhân nói nên về sau mới có trần, ý chấp lấy không có trần. Hoặc trong hai đại lẽ ra cũng có, hoặc cứng chắc và lay động, như khi gió lay động cây, không có hơi ẩm áp, không có chất ẩm ướt v.v... Hoặc trong ba đại, như nóng, ẩm ướt, cây, có ba, không có gió. Lại, khi gió lay động cây, có ẩm ướt, không có hơi ẩm, đều chỉ có ba đại. Hoặc bốn đại có thể biết. Trong Văn thứ năm có bốn

1) Âm thanh.

2) Gió.

3) Sắc, sáng, tối.

4) Lớn, nhỏ, vô gián sinh.

Giới tiếng, nghĩa là bốn đại lìa nhân tạo ra tiếng. Gió thường xoay vần, bên trong là hơi thổi ra vào, bên ngoài là gió, văng mặt trời v.v... giữ gìn thế giới.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Sắc bóng tối hằng nói tiếp, nghĩa là khoảng giữa thế giới vì chẳng nói kiếp không, nên biết thế giới đó không có. Hoặc là nghĩa không đúng, vì là nói huỳnh sắc, nên không còn tên bóng tối”.

Nay, giải thích: “Sắc, bóng tối của kiếp Không, cho đến thế giới thành thì diệt, thế giới hoại rồi, nó lại sanh, cho nên không gọi là hằng nối tiếp. Khoảng giữa thế giới hoặc thành, hoặc hoại, vì thường là sắc có

gián đoạn, nên gọi là hằng nối tiếp. Nói lại nữa, sắc sáng tối là nói thêm nhóm đối với hiển sắc, nên biết là trước kia có chỗ nhóm của hiển sắc, nếu sắc của ánh sáng tụ hiển sắc kia sẽ tăng, vì sắc của ánh sáng tăng, nên nhóm của sắc kia rõ ràng. Nếu sắc bóng tối khởi, thì nhóm sắc đó cũng tăng. Do sắc bóng tối tăng, nên che khuất nhóm nhãn kia không thấy, đã đặt thấy không rõ, nhóm nhỏ không gián cách nhóm lớn sinh, như người lớn và trẻ con, thành sắc v.v... thô, lớn, cũng như cây nhỏ mà thành cây to v.v... lớn sinh nhỏ, như lửa đốt cháy gỗ to, sinh ra tro rất ít. Lại từ lúc thịnh vượng, cường tráng mà kém cõi già yếu v.v...

Trong văn thứ sáu, thuộc về chất cứng, làm sao cho là hạt giống kia, nghĩa là nhân tùy thuộc quả, gọi là thuộc về cứng chắc. Lại chất cứng là giới của địa kia, là thể của địa thật. Chất cứng gồm thân, nghĩa là tóc, lông v.v... tức là giống như địa. Vì quả là loại nhân, nên nói thuộc về chất cứng, không phải hạt giống chấp thọ, nghĩa là hạt giống vô lậu dù nương tựa vào thức, nhưng vì thức không “duyên” nên nói là chẳng chấp thọ.

Trong văn thứ bảy, dù liền sinh ra lửa, biết rõ trước đó đã có tánh lửa, nung vàng chảy thành nước, biết được trước đó có tánh nước. Biến đất thành vàng ròng, sẽ biết trước kia đất đã có tánh vàng.

Trong văn thứ tám, quả của nghiệp gọi là Dị thực, hiện tại được thức lớn uống, ăn v.v... nuôi, gọi là trưởng dưỡng, chẳng phải hai hạt giống trước, chỉ tự loại sinh nhau, gọi là đẳng lưu, không đồng với Tiểu thừa thì lập sát-na; Đại thừa thì nhất định thuộc về trưởng dưỡng, hoặc vì đẳng lưu hữu lậu được dẫn đến pháp vô lậu.

Xứ đây khắp: Nghĩa là ốm làm cho mập v.v...

Tướng thêm thịnh vượng, nghĩa là khiến cho sáng sạch. Đẳng lưu có bốn, nghĩa là trưởng dưỡng, Dị thực kia trước sau đối nhau, cũng gọi đẳng lưu, thì hai chủng trước và tự tánh, dài, ngắn, lớn, nhỏ, xanh, vàng v.v... biến đổi, gọi là đẳng lưu biến dị. Ngoài báo trưởng dưỡng, nếu bám tụ phần vị cũ nối tiếp nhau sinh diệt, thì là đẳng lưu tự tánh. Dị thực sinh trước là quả dẫn nghiệp, Dị thực sinh sau là quả mãn nghiệp.

Các pháp có hai:

1) Hữu vi.

2) Vô vi.

Vô vi không có ba thứ này, vì không có sai khác. Hữu vi được chia làm hai:

1) Hữu lậu.

2) Vô lậu.

Hữu lậu có ba; vô lậu chỉ có hai, vì không có quả nghiệp. Vả lại, các căn trong vô lậu chỉ có một, không có đẳng lưu các Sắc còn lại bên trong có hai: Nếu chấp thọ thì chỉ trưởng dưỡng, không phải chấp thọ thì chung cả đẳng lưu. Năm sắc ngoài cũng chung cả hai chủng.

Ở trên, nói có trưởng dưỡng và đẳng lưu, nghĩa là đều có hai thứ trưởng dưỡng, đẳng lưu, nếu pháp xứ mượn sắc, thì các tâm, tâm sở có hai thứ trưởng dưỡng, đẳng lưu, chỉ một thứ trưởng dưỡng của xứ khắp, tâm sở khác đều có đủ, nếu đối với năm sắc của pháp, xứ của tám thức, thì còn phải phân biệt, e phiền phức, nên thôi.

Nhóm chung trong năm mươi bốn là nhóm chung thành văn. Nếu năm sắc căn có trưởng dưỡng, Dị thực, không có đẳng lưu, thì không phải các sắc căn có đủ ba thứ lưu. Các tâm, tâm sở có đẳng lưu, Dị thực. Trưởng dưỡng thứ hai đã trưởng dưỡng lưu. Pháp xứ nhiếp sắc không có Dị thực sinh, sắc khác như tâm tâm sở dù lập ra thuyết này, cũng không trái nhau. Nhưng trong văn này chỉ y cứ ở nhóm sắc để nói.

Trong văn thứ chín, nói về kiến lập xứ, nghĩa là pháp nương giữ lẫn nhau của phong luân v.v...

Che giấu nghĩa là nhà hộ v.v... Tư cụ là thức ăn khác v.v...

Chỗ Sở y của Căn, nghĩa là phù căn trần. Căn xứ, nghĩa là địa đại tạo căn.

Tam-ma-địa sở hành xứ, nghĩa là định sở dẫn sắc (sắc do định dẫn), dựa vào định mà chuyển. Văn luận này thì mới định sắc sở hành, là nhóm sắc.

Trên đây, đã nói xong về nhóm sắc, thứ hai, là nói trong phẩm tương ứng, văn chia làm sáu:

1) Nêu tâm và năm mươi ba pháp tâm sở.

2) Dùng tất cả để biện minh về sự sai khác của năm vị tâm sở, hợp với phiền não, tùy phiền não thành một.

3) Nói các thức do căn cảnh v.v... sinh ra.

4) “Lại chẳng phải năm thức thân có hai sát-na theo nhau đều sinh” v.v... trở xuống, là nói về tâm sinh theo thú tự.

5) Lại tướng chung của năm thức có công năng liễu biệt sự vật” v.v... trở xuống, là nói về hành tướng của tâm, tâm sở.

6) “Tác ý thế nào?” trở xuống, là nói về thể nghiệp khác nhau của hai vị tâm sở: biến hành, biệt cảnh.

Nói như thuyết trước, nghĩa là vì ở quyển đầu đã phân biệt. Tất cả xứ: duy thức quyển thứ năm giải thích: “Nghĩa là xứ ba tánh. Tất cả địa có hai nghĩa:

1) Ba địa như hữu tâm, v.v...

2) Rằng, chín địa, nghĩa là từ cõi Dục cho đến Phi tưởng. Tất cả thời, nghĩa là tâm sinh, thì có, tất cả chẳng: Tùy theo tự vị khởi thì sẽ cùng chung. Biến hành có bốn, biệt cảnh chẳng phải hai thứ sau. Trong mười một pháp thiện chẳng phải tất cả chỗ, chỉ có tánh thiện, chẳng phải tất cả thời: Chẳng khi tâm sanh thì đều khởi chẳng phải tất cả hay sao? Dù mười tịnh khởi đầu mà khinh an, bất định.

Tất cả địa: Có nghĩa khắp cả chín địa, vì gia hạnh định cũng gọi địa định, vì định kia cũng ít có nghĩa điều xướng, vì cõi Dục này cũng “có” khinh an, nên gọi địa bất định, nghĩa có chẳng đúng luận nói: “Cõi dục do thiếu khinh an, nên gọi là địa bất định, mà nói là chung cho tất cả, nghĩa là ba địa có tâm tứ v.v... vì đều có, nhưng quyển năm mươi lăm nói rằng lúc tâm thiện khởi, có sáu vị là vì y cứ vào sự mạnh mẽ để nói, nên nhiệm bốn đều không có.

Văn này nói chung căn bản và tùy phiền não hợp gọi là vị nhiệm.

Bất định chỉ có một, nghĩa là trong hai căn không hoại của tất cả tánh.

Cảnh sư nói: “Một, không diệt hoại, chỉ y cứ ở năm căn; hai, không yếu kém, là nói chung về ý căn.”

Pháp sư Khuy Cơ giải thích: “Giải thích về trạng thái diệt, hoại, yếu kém trong quyển năm mươi bốn, và do các căn của bốn duyên đối khác. Trái với nghĩa đó, tức là hai nghĩa trong luận này. Nói sắc căn ở đây là nói ý căn bất hoại. Thuyết kia nói do bốn duyên nên ý căn hư hoại. Trái lại, là đúng, cảnh giới hiện tiền có sáu. Như quyển năm mươi bốn giải thích: “Rằng, như bản địa phần nói sáu thứ tánh sở hành, so với đây khác nhau thế nào? Tức tùy theo thứ lớp để giải thích về sáu thứ trong đây:

1) Sở y xứ: Nghĩa là khí thể gian và hữu tình thể gian là chỗ sở nương.

2) Tự tánh: Là xanh, vàng, đỏ, trắng, sắc ba tánh v.v... cũng thế.

3) Phương: Sắc của các phương có khả năng sinh ra nhãn thức, trần khác cũng thế.

4) Thời: Là thời gian ba đời, hoặc mùa xuân hạ, hoa lá là cảnh. Mùa thu, đông úa tàn, khô héo là cảnh.

5) Rõ ràng, không rõ ràng: Nghĩa là sắc thật thì rõ ràng, giả thì không rõ ràng.

Toàn phần và một phần: Nghĩa là lấy sự một phần và sự đầy khắp.

Bắt đầu duyên khắp chung trong một cảnh chấp lấy, gọi là toàn phần, duyên sự một phần gọi là một phần.

Che khuất chướng ngại: Hiên nhà v.v... Ẩn mắt, che lấp: Thần thông, cổ thuốc v.v... đều ẩn mắt, khiến không trông thấy.

- Ánh sáng đoạt chiếu, lấn át chướng ngại: Nghĩa là với sức trội vượt, ánh sáng lấn át, tức tia sáng của mặt trời chói rọi lại các vì sao v.v...

- Huyền hoặc che lấp: do hiện tượng quỷ mị v.v... và các huyền hoặc, chú thuật v.v... che lấp.

6) Nơi chốn rất xa: Nghĩa là trụ xứ ở các phương đều xa, tổn giảm rất xa: Như mài vật thô thành tế, thì chẳng thể thấy.

Bốn năng lực tác ý. Pháp sư Khuy Cơ giải thích:

Ba thứ đầu, như thứ lớp kia duyên cảnh giới vị lai, quá khứ và hiện tại. Một năng lực thứ tư duyên chung cả ba đời, tâm sinh trong thứ lớp.

Văn chia làm bốn:

- 1) Nói về sát-na của năm thức.
- 2) Nói về sự khác nhau của năm tâm.
- 3) Giải thích về nhất tâm của kinh nói.
- 4) Nói về năm tâm duyên cảnh đời.

Trong sát-na của năm thức, Duy thức quyển bốn có hai thuyết:

- 1) Chỉ một sát-na v.v... là lấy văn này v.v... làm thể.
- 2) Đây là dựa vào vị chưa tự tại. Phần nhiều là tâm suất nhĩ chỉ một sát-na, chứ không phải đẳng lưu và tâm tự tại nhiễm, tịnh sinh ra.

Nói là vì phân biệt và vì trước đã dẫn phát, nghĩa là cảnh chưa hề được. Nay vì phân biệt, nên với cảnh đã được trước kia, vì am hiểu tất cả nên sinh ra lời nói trong ý thức đã có do hai thứ nhân dưới đây:

Hoặc ý thức đẳng lưu cũng do hai nhân; hoặc năm thức đẳng lưu chỉ do ý thức nhiễm, tịnh thứ tư đã dẫn, vì vô phân biệt.

Do đạo lý này, nên luận trên nói là năm thức nhãn v.v... tùy thuộc vào ý thức chuyển.

“Lại, ý thức nhậm vận tán loạn v.v...” trở xuống, là nói năm tâm “Duyên” cảnh đời. Do “duyên” cảnh không quán tập, chẳng phải do sức tác ý khởi, gọi là bỗng nhiên rơi vào tâm, dù không tác ý vì tự nhiên (nhậm vận) khởi.”

Tam tạng giải thích: “Phương tây (Thiên-trúc) có ba giải thích: 1/

Luận sư đầu tiên nói: “Ý thức suất nhĩ, chỉ “duyên” quá khứ, từng là cảnh sở duyên. Nếu từ năm thức không có ngăn cách mà sinh ra ý thức tìm kiếm quyết định hai tâm, thì lẽ ra chỉ nói là: “Duyên” cảnh

chúng loại hiện tại, sở duyên của năm thức trước. Nếu sự tìm kiếm này quyết định hai tâm, thì “duyên” cảnh kia sinh ra.

2/ Kế là Tối Thắng Tử vấn nạn sư trước: “Như tâm, thần thông v.v... của Phật, Bồ-tát nhập vận mà khởi tâm suất nhĩ, hoặc duyên hiện tại; hoặc “duyên” vị lai mà nói là tâm suất nhĩ, nhập vận, chỉ “Duyên” quá khứ ấy thì không đúng, vì tâm suất nhĩ của ý thức nhập vận, duyên chung ba đời và chẳng phải thế pháp.

3/ Từ “chỉ duyên” quá khứ v.v... trở xuống, là nói sau năm thức, tìm kiếm, mong cầu quyết định hai ý thức “duyên” quá khứ, cảnh sở duyên của năm thức sinh ra.

Ở đây, lẽ ra kéo dài văn kia thuộc ở dưới nói: “Chỉ duyên” cảnh quá khứ, năm thức vô gián sinh ra ý thức, hoặc tìm kiếm, mong cầu quyết định vì theo đuổi duyên cảnh sở duyên của năm thức, chỉ duyên cảnh quá khứ sinh ra. Hoặc có lúc duyên cảnh chủng loại, cảnh sở duyên của năm thức, nghĩa là chỉ nên nói là “duyên” cảnh hiện tại.

Sư thứ ba nói: “Ý thức suất nhĩ chỉ “Duyên” cảnh quá khứ, vì “Duyên” không sáng suốt, rõ ràng, nên kế là khởi năm thức, ý thức phân biệt đồng thời với năm thức (ngũ câu ý thức), hoặc tìm kiếm năm cảnh, hoặc quyết định năm thức. Đã ý thức đồng thời với năm thức này đồng thời với ý thức tìm kiếm, quyết định thì “Duyên” cảnh sở duyên mà năm thức kia đã sinh”

Ở đây nói vô gián, là do đồng thời với năm thức, vì trực tiếp dựa vào năm thức sinh, nên duyên không ngăn cách, đây là đồng thời không ngăn cách, chứ không phải trước sau không ngăn cách.

Bổ khuyết thêm cách giải thứ tư, nói: “Ý thức suất nhĩ và sau năm thức, tìm kiếm quyết định hai tâm. Nếu duyên bên nghĩa bản cảnh của A-lại-da, thì gọi là “duyên” cảnh quá khứ. Nếu “duyên” bên nghĩa tướng phần của tự cảnh, thì chỉ duyên cảnh hiện tại (hiện cảnh). Cho nên nói theo lý Duy thức thì nếu tâm này khởi, thì sẽ “Duyên” cảnh hiện tại tự biến, sinh ra. Lại nữa, thức năng liễu biệt tướng chung của sự vật.

Luận Thành Duy Thức chép: “Tâm đối với sở duyên chỉ chấp tướng chung; tâm sở đối với duyên, cũng chấp tướng riêng.”

Vì thế, nên lời nói này tức là cái chưa liễu biệt v.v... ấy, lời nói này biểu lộ tâm sở cũng chấp tướng chung của cảnh. Trên cảnh chung này, tướng riêng của cảnh chưa rõ biệt và tướng của cảnh đã rõ biệt, tướng năng rõ biệt kia, được gọi là tác ý.

Ở đây chỉ nói tâm khởi, tất nhiên đều có. Cho nên chỉ nói về hành

tướng của tâm sở biến hành. Do đây gồm chỉ rõ biến hành, biệt cảnh chung cho cả ba tánh. Hành tướng của tâm tăng cường, nói riêng về nghiệp của thể. Các hành tướng còn lại, vì lược qua nên không nói.

Xúc chung cho sự hiểu rõ tướng phần trái, thuận v.v... Thọ “Duyên” tướng phần của ba phẩm:

Thời, thì lãnh nạp tổn ích v.v... thứ ba, là nói trong thế gian:

Luận có ba:

1) Đạo lý ba đời, dựa vào nghĩa “từng”, “sẽ” của hạt giống, để nói có đời quá khứ, vị lai sẽ có gọi là vị lai, từng có gọi là quá khứ, hiện có gọi là hiện tại. Nghĩa trong pháp hiện tại, nói có ba.

2) Dựa vào thần thông, khi trí kia sinh, pháp nhĩ đều có công lực như thế. Đối tượng nhìn thấy đều thật, không phải đã từng bị vọng thức biến ra. Do phần nhiều tu tập pháp quá khứ, vị lai này; Pháp nhĩ có thể hiện, tùy theo thế của thần thông kia mà chia thời tiết ra có nhiều, ít. Về mặt lý, thật sự có thể “Duyên” và pháp “sở duyên” chỉ ở hiện tại.

3) Theo Duy thức, nghĩa này dù thông suốt, nhưng hai nghĩa ngoài trước kia có tự thể khác, do vọng tâm phân biệt đã biến ra giống như tướng quá khứ, vị lai, thật ra chỉ hiện tại.

Nay, trong văn này chỉ dựa vào lý để nói về ba đời, trước chung sau riêng.

Nói là các chủng tử không rời lìa pháp, nên như pháp kiến lập: ba đời là thời gian. Thời gian không có pháp riêng, thì y cứ ở phần vị trước, sau của sắc, tâm mà giả kiến lập thời gian. Nhưng vì hạt giống của pháp không lìa pháp sắc, tâm v.v... cho nên nói rằng, như pháp kiến lập.

“Lại do cho quả v.v...” trở xuống, giải thích riêng có hai:

1) Y cứ chủng tử để nói.

2) “Nếu các quả đã v.v...” trở xuống, là y cứ quả, để lập.

Nếu đã có công năng cho quả, diệt, là lập đời quá khứ. Nếu đã có công năng cho quả và chưa cho quả, hiện đang nối tiếp, thì lập đời hiện tại. Nếu công năng chưa cho quả thì sẽ lập ra đời vị lai.

Thứ tư, trong bốn tướng: Thì sinh, diệt của Đại thừa đã là pháp biện, lại không có tự thể riêng. Tiểu thừa nói: “có”, Bách Luận vấn nạn rằng: “Có pháp diệt diệt, khiến không nhập quá khứ. Pháp diệt hiện tại, nói là có. Có pháp sinh sinh, khiến cho có nhập hiện tại, vị lai của pháp sinh, lẽ ra nói là “không”? Đây là vấn nạn về thể của bốn tướng, đều thành “có”.

Văn nói: “Nói là đối với nhất thiết xứ, cho đến “câu hành”, kiến lập. Nghĩa là nêu chung bốn tướng dựa vào hạt giống để lập.

Nhất thiết xứ: ba cõi chín địa. Thức nối tiếp nhau: Đệ bát thức. tất cả chủng tử nối tiếp nhau. Nghĩa là vì sát-na nối tiếp nhau không gián đoạn.

Câu hành: Nghĩa là hạt giống luôn đều cùng hiện hành với bản thức. Dựa vào hạt giống này để kiến lập bốn tướng, không dựa vào hiện hành, vì ba nghĩa:

- 1) Vì hạt giống nối tiếp nhau.
- 2) Vì là nhân của các pháp.
- 3) Vì không lìa thức.

Nếu nói hạt giống, tức là nói các thức. Lại giải thích: “Tất cả hạt giống trong bản thức nối tiếp nhau, đối với pháp đều cùng hiện hành, kiến lập bốn tướng, tức là dựa vào tất cả pháp hữu vi để lập ra bốn tướng. Tất cả pháp hữu vi, hữu lậu, vô lậu nếu khởi, tất nhiên, đều cùng hoạt động (hành) với hạt giống. Đây là nói chung dựa vào hiện chủng để nói về nghĩa bốn tướng.

Sau khi sinh thì nói là “dị”, nghĩa là vì muốn chỉ bày rõ rằng sinh thì biến đổi, không được dừng lại lâu, vì để cho sinh tâm nhằm chán xa lìa.

Trong hai tánh “dị”: Tánh “dị” đầu là pháp đồng loại, trước, sau khác nhau. Trong duyên thứ năm mươi bốn, chia làm ba:

- 1) Nêu danh.
- 2) Nêu chung thể của bốn duyên.
- 3) “Lại vì hạt giống v.v...” trở xuống, là chỉ riêng ở tâm, để làm rõ bốn duyên.

a) Nhân duyên: Nghĩa là hạt giống: Là nhân duyên của tất cả hữu vi hiện khởi, khả năng huân tập đối với hạt giống, cũng là nhân duyên. Lại, hạt giống trước đối với hạt giống sau, cũng là nhân duyên, vì lược, nên chỉ nói là hiển.

b) Duyên Đẳng vô gián: Nghĩa là tám hiện thức và tâm sở của chúng, nhóm trước đối với nhóm sau đồng đẳng mà mở đường. Duy thức quyển thứ tư hội văn này rằng: “Nếu thức này vô gián, thì các thức quyển định sinh, nghĩa là lời chung, ý riêng, nghĩa không trái nhau. Tuy nhiên, Nhiếp luận chấp sắc là duyên đẳng vô gián, chỉ là giả sử phá sắc là nghĩa nhân duyên, chứ không phải lời nói rốt ráo.”

“Lại, như kinh nói v.v...” trở xuống, là thứ sáu, thêm số trong ba tánh khác nhau để nói, chỉ lập ba thiện, không có “Thắng nghĩa”, nghĩa là nói hữu vi, nên ái quả thiện, thì bố thí v.v... ở trước là hữu lậu, có thể cảm quả ái.

Quả ly tuệ thiện, tức là thí v.v... vô lậu trước là vô lượng thiện, nghĩa là bốn vô lượng.

Hữu y thiện, nghĩa là có chỗ nương tựa, tìm kiếm thiện của ba cõi. Vô y thiện: không có chỗ nương mong cầu Niết bàn thiện. Lại, có vật thí, gọi là hữu y thiện. Không có vật tùy hỷ, gọi vô y thiện.

Thiện thuộc về căn bản; tương ứng với hai định căn bản, và phương tiện. Tám phước sinh là:

Vua Túc tán cõi Dục là một.

Quan là hai, thêm lục dục thiên, là tám. Không đồng với giải thích xưa: Cõi Dục, trừ quan, mà lấy luân vương. Luân vương là chín, bất động thiện là mười, nghĩa là Sắc, Vô Sắc và thiện vô lậu.

Ấy nghĩa quả ái, nghĩa là giải thích thiện hữu lậu, biết rõ sự: Là giải thích thiện vô lậu phương tiện khéo léo của đạo đế, gọi là khéo biết (thiện tri), sự, lý cũng là sự. Pháp, vật, sự có là tên chung các pháp, và nghĩa của quả kia thì là diệt đế. Bởi vì yên ổn, nên gọi là thiện. Vô ký, bốn thứ Dị thực sinh và một phần oai nghi lô, công xảo xứ, nghĩa là như năm quyển mười lăm nói rằng: “Dị thực sinh một bề vô ký. Hai, ba có thể được, một, hữu, hai, chủng, cho nên, oai nghi, công xảo, cả ba tánh.

Trong văn chỉ phân biệt về nhiễm và vô ký, nên gọi một phần. Nếu các công xảo chỉ là hí lạc, thì tâm nhiễm là hí, khởi tác công xảo là nhiễm. Cũng có trong tâm vô ký vì được hí lạc, nên khởi công xảo. Văn lược nên không nói..

Nói không vì nuôi mạng sống, cho đến thứ khác là vô ký, về lý cũng có tâm nhiễm, vì nuôi mạng sống, nên khởi nghiệp công xảo, cũng có tâm nhiễm, vì được trội hơn người khác, nên tập tưởng nghiệp công xảo. Cũng tham danh, lợi, tìm kiếm, mong cầu, lựa chọn, khởi nghiệp công xảo.

Nay, y theo tướng để làm rõ, lại nêu một bên ảnh lược môn.

Oai nghi cũng thế, biến hóa chỉ hai thiện và vô ký quyển năm mười lăm chép: “Vì dẫn dắt người, hoặc vì lợi ích cho các hữu tình mà khởi biến hóa; phải biết là thiện. Nếu muốn thí nghiệm tự du hí thần thông, gọi là vô ký, đây là không có nhiễm ô. Nếu y theo tánh đặc thì cũng có cả bất thiện.

Thứ bảy, là trong tạng xứ biệt nói: “Tuệ nhãn, nghĩa là thật chẳng phải sắc, vì loại nhãn đồng trong đây sẽ nói.

Nhưng, ba nhãn này gồm sáu nhãn, vì trong tuệ nhãn có cả pháp nhãn. Theo các kinh, luận xưa, hoặc nói tuệ nhãn quán “Không”;

pháp nhãn quán “hữu”; hoặc nói pháp nhãn quán “không”; tuệ nhãn quán “hữu”. Bốn nhãn này, nếu khi đến Phật, thì gọi là Phật nhãn. Như Trí Luận nói: Nếu thân thọ dụng thì thật không có nhục nhãn. “Nếu y cứ thân biến hóa, hiện thọ nhục nhãn.”

Mắt không có nhắm: Mắt tự có các trùng, thường không nhắm, như mắt chuồn chuồn v.v...

Mắt có nhớ: Một, là mắt hữu lậu. Hai, là mắt có màng che v.v...

Mắt y xứ: Là vốn nhục nhãn, do mắt này là nương tựa khởi mắt biến hóa, gọi là mắt y xứ. Hoặc phù căn là chỗ của mắt, thế tục, gọi là mắt. Cho nên, ở đây cũng mượn để đặt tên.

Mắt đã được: Mắt quá khứ, hiện tại. Mắt chưa được là mắt vị lai.

Từng được, nghĩa là lại hiện tiền. Chưa từng được, nghĩa là vì nay, mới được. Thập địa trở xuống vì hữu lậu lẽ ra đoạn, vì dứt duyên ràng buộc. Phật nhãn là vô lậu, không nên đoạn.

Nhãn đã đoạn, nghĩa là trước kia nên đoạn nhãn, nay vì đã đoạn, nên gọi mắt đã đoạn.

Chẳng phải mắt đã đoạn: Trước kia không nên đoạn nhãn, nay cũng không phải là đã đoạn.

Tự nhãn gọi là nội, tha nhãn, gọi là ngoại. Cõi dục gọi là thô, cõi Sắc, gọi là tế.

Tai xét kỹ: Nghĩa là chung cho hai thứ tai nhục nhĩ, thiên nhĩ.

Tai nghe cao: Nghe lời nói thiện, cũng có thể y cứ ở căn, để để nói về sự nghe cao, thấp.

Chỗ cặn, nhớ, chỗ không có cặn nhớ: Thức ăn của các vị trời không nhớ nhớ. Thức ăn của con người thì có biến đổi, nhớ nhớ.

Và tất cả khắp các căn tùy theo: Tức là hai thứ thân căn trước ở khắp trong bốn căn. Về nghĩa dùng là thứ ba.

Bảy thức trụ: Như Luận Câu-xá chép:

1) Một, hữu tình có sắc, thân khác, tướng khác, như người, trời cõi Dục và Sơ tinh lự, trừ thời kiếp sơ.

2) Thân khác, tướng một, như trời phạm chúng, thời kỳ kiếp sơ.

3) Thân một, tướng khác, như đệ nhị tinh lự, nhằm căn bản hỷ, nhập cận phần xả, nhằm cận phần xả, nhập căn bản hỷ.

4) Thân một, tướng một, như đệ tam tinh lự, sơ định do tướng nhiễm, gọi tướng một; hai định do tướng hai thiện, gọi là tướng khác. Ba định do tướng Dị thực, gọi là tướng một, ba định còn lại là ba vô sắc ở dưới, các chỗ còn lại hoại thức, không nói là thức trụ.

Tăng ngữ xúc v.v... Câu xúc thứ sáu, vì có thể khởi ngữ, năng

“Duyên” ngữ, ở hai xứ thính và pháp đều tăng, do xúc tăng trưởng, gọi là tăng ngữ xúc.

Hữu đối xúc: Nghĩa là năm thức tương ứng với xúc căn, vì có đối.

Dựa vào sự say mê thêm khát: Nghĩa là cõi Dục.

Xuất ly: Nghĩa là sắc, vô sắc, và vô lậu.

Ái vị: Nghĩa là hữu lậu, không có ái vị, nghĩa là vô lậu. Lại giải thích: “say mê thêm khát là chấp mắc ngoài cảnh; ái vị, là chấp mắc nội thân”.

Thế gian, nghĩa là phân biệt; ra đời gian nghĩa là vô phân biệt.

Cửu cư ở bảy thức trụ, thêm định thứ tứ và Phi tưởng.

Sắc ánh sáng hữu y, vô y. Luận sư bị nói: “Thích luận có ba thuyết:

1) Ánh sáng trong vầng mặt trời gọi là hữu y, ánh sáng ngoài vầng mặt trời, gọi là vô y.

2) Lại giải thích: “Đất sáng rõ, gọi là hữu y. Ánh sáng trong hư không, gọi vô y.

3) Lại giải thích: “Trong người gọi hữu y; trên trời, gọi vô y, vì thường có.

Ánh sáng chánh, bất chánh, nghĩa là ánh sáng tỏ rõ của mặt trời, mặt trăng đầy, khuyết v.v...

Sắc chứa nhóm trụ: Nghĩa là các hình sắc.

Ba luân nương nhau, gọi kiến lập.

Hiên nhà v.v... gọi là che giấu.

Bảy nhiếp thọ, như quyển hai nói. Trong chín không nói trong, ngoài. Giả sử thân tự, tha là xứ ngoài, định và căn nói riêng rẽ, thật ra giống nhau.

Lưng trống, là lưng trống nhỏ.

Võng trống, nghĩa là đại quốc gia, trống đặt trên lưng ngựa khi diễu hành; đều là đầm cỏ, tức là lưng trống lớn nhỏ.

Tốt-đổ-lỗ-ca hương: xưa nói Đẩu-lâu-bà hương, luận Địa Trì nói: “Cầu-cầu-la hương.”

Long não hương: ở xứ Tây trúc, dáng hương như mây, sắc trông như băng tuyết.

Tổ-khấp-mê-la hương: To như hạt mè màu đỏ, dùng để làm thuốc nhuộm, xứ này không có, loại hương rất to.

Tam tân hương: Phương tây (Thiên-trúc) thường hợp với ba vị Hồ Tiêu tất bát, can khương vô thành viên.

Khi sắp ăn, nuốt viên này, sẽ tiêu trừ chất nhơ xấu trong bụng, sau đó mới ăn.

Nhất chỉ hương v.v... hình dáng trông giống như ngón tay.

Hữu dĩ vị: vị chữa khỏi bệnh.

Muối mòng là một trong năm xúc.

“Câu sinh” là thứ tư trong sáu, vì trong thân nội đều có chung với thân.

“Sở trị”, là chất nhơ bẩn v.v... “Năng trị” là nước v.v...

Ngài Pháp sư Huyền người Tân-la nói rằng: “Bệnh là “Sở trị”; thuốc; là “năng trị”, là nói trong pháp giới, trước là triển khai chung, bày ra danh, thể nhiều ít của pháp trong pháp xứ, rồi sau đó, mới nói về môn tăng số.

Luận Đối Pháp nói năm thứ pháp xứ sắc. Trong đây vì lược qua nên chỉ nói có hai thứ.

Hoặc hai, nghĩa là pháp giả, chẳng phải giả. Nghĩa là bốn pháp trong pháp xứ sắc là giả; thể của sắc tự tại sinh là thật. Biến hành, biệt cảnh trong nhóm tâm mỗi thứ đều có năm, một bề là thiện thật. Trong mười một món thiện, chỉ có bất phóng dật, xả, bất hại là giả, tám thứ còn lại là thật.

Năm kiến trong Đại Phiền não là giả, năm kiến còn lại là thật.

Trong hai mươi hai tùy phiền não, nếu dựa vào năm mươi bốn thì nói mười tám là giả; vô tâm, vô quý, hôn trầm, trạo cử, bốn thứ này là thật. theo luận Đối pháp thì, tất cả đều giả.

“Trong bốn bất định, thì tâm, tứ nhất định là giả có. Hối, miên, theo Duy Thức có hai thuyết:

1) Nói là giả.

2) Nói là thật.

Tất cả trong bất tương ứng là giả, ba tánh trong tám vô vi là chân như là thật, năm thứ còn lại là giả, hữu sắc trong thêm ba là một, trong Vô Sắc được chia làm hai: Hữu vi, vô vi.

Trong thêm bốn, chỉ nói là sắc giả, không nói là thật. Nghĩa là các tông luật nghi, bất luật nghi đều lập chung.

Ở đây, nói là giả, sơ lược không nói là thật, pháp sở hữu của tâm không nói là giả, thật, mà đem hoà hợp làm hai: vô vi giả, chẳng phải giả, nghĩa là năm trong tám là giả, ba tánh như thế là thật.

Thiện, vô ký, vô vị Trạch diệt là thiện; hư không v.v... là vô ký.

Trong thêm mười: 1) Xúc. 2) Tác ý; 3) Thọ; 4) Tưởng; 5) Tư. Thứ năm kia là:

Cảnh sư nói: “Gọi là bất tương ứng hành”.

Cơ Luận sư nói: “Là tư”. Lại giải thích: Là xúc; 6) Hư không; 7) Trạch diệt; 8) Phi trạch diệt; 9) Chân như; 10) Khổ vui.

Nghĩa ly hệ, nghĩa là “Bất động diệt”. Không phải nghĩa thọ ly hệ, nghĩa là tưởng diệt, và nghĩa thọ ly hệ, nghĩa là thọ diệt. Bất động tưởng, thọ, diệt, vô vi này hợp thành thứ mười.

Kết rằng, sáu trăm sáu mươi: Trong mười hai xứ, mỗi xứ đều có thêm số, từ một đến mười, đều có năm mươi lăm; hai thứ năm mươi lăm hợp thành sáu trăm sáu mươi. Đây là y cứ vào sự chấp nhận có thêm số mà kết, hoặc là số lớn vậy,.

Thứ tám là giải thích về xứ, danh trong riêng:

Nhân, tiếng Phạm là Chước-Sô. Chước nghĩa là hành. Sô nghĩa là tận. Nghĩa là đối với cảnh, hạnh, có thể tận hành, tận kiến các sắc.

Nhĩ, tiếng Phạm: Là Thú-Lũ-Đa, Hán dịch Năng văn.

Chấp ngã, ngã sở, ngã và ngã ngã: Cảnh sư nói: “Ngã của nhà ngã, nên gọi ngã ngã”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Ngã sở, nghĩa là cái có ngoài ngã. Ngã ngã, cũng là ngã sở, nghĩa là chấp cái ngã của niệm trước là cái ngã v.v... của ngã niệm sau.

Trong đây trở xuống, đều dùng bài tụng để kết.

Trước là văn xuôi nêu lên; kế là dùng bài tụng năm kết môn, văn xuôi sau mở bày.

Từ đây trở xuống, là nói về hai môn sau:

1) Thiện xảo.

2) Sự.

Duyên khởi, duyên sinh: Luận Đối Pháp nói: “Nhân, gọi là duyên khởi; quả gọi là duyên sinh”.

Vô lượng giới, là năm vô lượng, nghĩa là thế giới; hữu tình giới; pháp giới, sở điều phục giới; điều phục phương tiện giới.

Trong tám chúng Dạ-ma trở lên, là bốn tầng trời ở trong hư không. Từ cõi thứ sáu kia, gọi chung là Ma thiên. Bốn tầng trời tinh lự, gọi chung là Phạm chúng.

Từ trên đến đây, là nói về mười môn xong “Lại, Ớt-đà-nam v.v...” trở xuống, là dòng bài tụng để tổng kết.

